

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày 12-7-2023

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tấn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Khuyển

Ông Nguyễn Sỹ Luận

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Duyên – Thư ký Tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-DS ngày 06/3/2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ngân hàng Q

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà s – 111 A P, Phường B, Quận 0, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Văn Tr – giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ miền nam – Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ số 1 – Khối Ngân hàng bán lẻ Q

*Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng:*

+ Ông Ngô Quốc Th - Cán bộ Ngân hàng Ngân hàng Q;

+ Ông Trần Huỳnh H - Cán bộ Ngân hàng Ngân hàng Q;

+ Ông Trần Đức T - Cán bộ Ngân hàng Ngân hàng Q;

+ Ông Vương Hải L - Cán bộ Ngân hàng Q (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà P số 26 U, Phường 00, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Bị đơn:* Ông Bùi Thạch Lâm S, sinh năm 1987 (Vắng mặt); bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 (Vắng mặt); Cùng trú tại: Thôn 6, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình

Phước.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Vương Hải L trình bày:*

Ngân hàng P chi nhánh Quận 0, thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết với ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M các Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số 0383.HĐTD.VIB 630.19 ngày 09/4/2019, theo đó số tiền giải ngân cho vay là 424.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 10/4/2019 đến ngày 09/4/2026, lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,2%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Thời điểm trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 30 mỗi tháng trả 5.047.000 đồng và số lãi cuối kỳ phải trả là 5.099.000 đồng; trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 30, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 30/4/2019, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

2. Hợp đồng tín dụng số 1966965.21 ngày 17/02/2022, theo đó số tiền giải ngân 42.000.000 đồng, mục đích giải ngân vay bù đắp mua sắm đồ dùng trang thiết bị gia đình, thời hạn vay 24 tháng từ ngày 18/02/2022 đến ngày 17/02/2024; lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,7%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,3%/năm. Trả nợ gốc hàng quý vào ngày 15, mỗi quý trả 5.250.000 đồng, số còn lại trả hết vào cuối kỳ. Trả nợ lãi hàng quý vào ngày 15, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/5/2022; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho ông S, bà M số tiền nêu trên. Khoản vay có tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0383.HĐTC.VIB630.19 ngày 09/4/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông S, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh kể từ ngày 15/02/2022, Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện để khách hàng trả nợ, tuy nhiên khách hàng vẫn không thực hiện, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0383.HĐTD.VIB 630.19 ngày 09/4/2019, ông S, bà M trả được 37 kỳ nợ gốc (từ ngày 09/4/2019 đến ngày 30/4/2022) với số tiền đã trả 186.739.000 đồng, tiền lãi trả được 41 kỳ (từ ngày 09/4/2019 đến ngày 30/6/2022). Sau đó, ông S, bà M chưa thanh toán thêm bất cứ khoản gốc, lãi nào khác, tính đến ngày 12/7/2023 ông S, bà M còn nợ tiền gốc 237.261.000 đồng, tiền lãi 52.404.201 đồng, tổng cộng 289.665.201 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1966965.21 ngày 17/02/2022, ông S, bà M mới trả được 01 kỳ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 15/5/2022, nợ gốc số tiền

5.250.000 đồng, lãi 1.184.745 đồng. Sau đó, ông S, bà M chưa thanh toán thêm bất cứ khoản gốc, lãi nào khác, tính đến ngày 12/7/2023 ông S, bà M còn nợ tiền gốc 36.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.102.299 đồng, lãi quá hạn 6.879.449 đồng, tổng cộng 44.731.748 đồng.

Ngân hàng đề nghị ông S, bà M có nghĩa vụ tiếp tục phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0383.HĐTC.VIB630.19 ngày 09/4/2019 Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*- Bị đơn ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

*- Tại phiên tòa:*

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông S bà M trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/7/2023 của 02 hợp đồng nêu trên với tổng số tiền 334.369.949 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 13/7/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc.

*- Kiểm sát viên trình bày quan điểm tại phiên tòa: (Có bản phát biểu riêng)*

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục và tuân thủ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông S, bà M trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/7/2023 đối với 02 hợp đồng tín dụng tổng cộng số tiền 334.369.949 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 13/7/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do Ngân hàng Q (gọi tắt là Ngân hàng) thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M cùng trú tại Thôn 6, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông S, bà M.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông S, bà M không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 0383.HĐTD.VIB630.19, khế ước nhận nợ cùng ngày 09/4/2019; Hợp đồng tín dụng số 1966965.21, khế ước nhận nợ cùng ngày 17/02/2022 giữa Ngân hàng P chi nhánh Quận 0, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng) và ông S, bà M được ký kết bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đúng quy định tại các Điều 116, 117, 119 và 120 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định pháp luật.

3.2. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 0383.HĐTD.VIB630.19, khế ước nhận nợ cùng ngày 09/4/2019 thể hiện ông S, bà M vay của Ngân hàng số tiền 424.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 10/4/2019 đến ngày 09/4/2026, lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,2%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Thời điểm trả nợ gốc, lãi hàng tháng vào ngày 30, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

3.3. Đối với Hợp đồng tín dụng số 1966965.21, khế ước nhận nợ cùng ngày 17/02/2022, thể hiện ông S, bà M vay 42.000.000 đồng, mục đích giải ngân vay bù đắp mua sắm đồ dùng trang thiết bị gia đình, thời hạn vay 24 tháng từ ngày 18/02/2022 đến ngày 17/02/2024; lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,7%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,3%/năm. Trả nợ gốc, lãi hàng

quý vào ngày 15, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/5/2022; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

3.4 Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông S, bà M đã thế chấp tài sản là xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS biển kiểm soát 93A 152.35 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025219 cấp ngày 05/4/2019 đứng tên ông Bùi Thạch Lâm S, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0383.HĐTC.VIB630.19 ngày 09/4/2019.

3.5. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà M mới thanh toán được một phần nợ gốc và lãi, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0383.HĐTD.VIB630.19 ngày 09/4/2019, ông S, bà M trả được 37 kỳ nợ gốc (từ ngày 09/4/2019 đến ngày 30/4/2022) với số tiền đã trả 186.739.000 đồng, tiền lãi trả được 41 kỳ (từ ngày 09/4/2019 đến ngày 30/6/2022). Số tiền nợ gốc, lãi còn lại ông S, bà M không thanh toán nữa. Tính đến ngày 12/7/2023, ông S, bà M nợ số tiền gốc 237.261.000 đồng, tiền lãi 52.404.201 đồng, tổng cộng 289.665.201 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1966965.21 ngày 17/02/2022, ông S, bà M trả được được 01 kỳ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 15/5/2022, nợ gốc số tiền 5.250.000 đồng, lãi 1.184.745 đồng. Số tiền gốc, lãi còn lại ông S bà M không thanh toán nữa. Tính đến ngày 12/7/2023, ông S, bà M nợ số tiền gốc 36.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.102.299 đồng, lãi quá hạn 6.879.449 đồng, tổng cộng 44.731.748 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông S, bà M đã vi phạm một phần nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi theo thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà M trả số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 12/7/2023 đối với 02 hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền 334.369.949 đồng, đồng thời ông S, bà M còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0383.HĐTC.VIB630.19 ngày 09/4/2019 giữa Ngân hàng với ông S, bà M, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 6.000.000 đồng, bị đơn ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ phải chịu. Do Ngân hàng đã nộp nên bị đơn ông S, bà M có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu. Bị đơn ông Bùi

Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể: 16.719.800 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 165; Điều 201, 217, 227, 235, 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 116; 117; 119; 120, 282, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 26, 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q.**

Buộc ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Q số tiền gốc 237.261.000 đồng, tiền lãi 52.404.201 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0383.HĐTD.VIB630.19 ngày 09/4/2019 và số tiền gốc 36.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.102.299 đồng, lãi quá hạn 6.879.449 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1966965.21 ngày 17/02/2022. Tổng cộng 334.369.949 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng*).

Ngoài ra, ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 13/7/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

**2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:** Ông Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ngân hàng Q số tiền 6.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu đồng*).

**3. Về án phí sơ thẩm:** Buộc bị đơn Bùi Thạch Lâm S, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới phải chịu 16.719.800 đồng đồng (*Bằng chữ: Mười sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn tám trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí 7.307.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016052 ngày 03/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Đỗ Tấn Trường**